

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST

Ngày 16/7/2022

V/v Tranh chấp chia tài sản chung và
chia thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Hội thẩm: Ông Trần Ngọc Đăng

Ông Võ Hoàng Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 12 và 16 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020, về việc “Tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 22 /2022/QĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1939

Địa chỉ: Số 63, đường Lý Thường K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số 499/56, đường Bà Huyện Thanh Q, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Lại Phan Xuân Đ, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 23, đường Lê Thị R, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Văn bản ủy quyền ngày 29/6/2020.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị H: Luật sư Hồ Thị Xuân H1 - Văn phòng Luật sư Xuân H1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc Q, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 63, đường Lý Thường K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Ngọc T1 T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 49, đường 34A, tổ 74, khu phố 5, phường An Phú, TP. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Ngọc Bích T1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số 63, đường Lý Thường K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Bà Lại Phan Xuân Đ, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 23, đường Lê Thị R, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Văn bản ủy quyền ngày 21/7/2020.

3. Bà Trần Ngọc Mỹ L1, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp TH, thị trấn PM, huyện Phú T2, An Giang.

4. Bà Trần Ngọc Tuyết M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 8864, Lambert LN Orlando, Fr 32825.USA

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ngọc Tuyết M: Bà Trần Ngọc Mỹ L1, sinh năm 1968, địa chỉ: Ấp TH, thị trấn PM, huyện Phú T2, An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 24/9/2020).

5. Bà Huỳnh Thị Thanh L2, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số 71/4, đường Lý Thường K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H, chị Đ, Luật sư H1, ông Q1, bà T1 T1, bà T1, bà L1 có mặt; bà L2 có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H và chị Lại Phan Xuân Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà H cùng trình bày:**

Bà Huỳnh Thị H và ông Trần Ngọc Q1 (chết năm 2007) có 05 người con gồm: Trần Ngọc T1 T, Trần Ngọc Q, Trần Ngọc Bích T1, Trần Ngọc Mỹ L1, Trần Ngọc Tuyết M. Bà H và ông Q1 có tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với diện tích 63m² (qua đo đạc thực tế là 50,4m²), thuộc thửa 341, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại số 63, đường Lý Thường K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc đất và nhà do cha mẹ bà H để lại cho bà H, ông Q1 từ trước năm 1975, Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà do UBND thị xã Sa Đéc (nay là thành phố S) cấp cho bà Huỳnh Thị H vào ngày 06/8/1993. Nguồn gốc đất là do cha mẹ bà H mua vào năm 1959, sau đó chết để lại cho bà H, ông Q1 trước năm 1975. Nhà có diện tích 53,22m² (ngang 3,3m, chiều dài 15,4m), kết cấu nhà dẫy phố, trệt có sàn gác gỗ, mái

ngói, nền gạch, vách gạch.

Sau khi ông Q1 chết, nhà và đất nêu trên chưa được phân chia cho ai. Hiện nay, các con của bà H muốn phân chia thừa kế cho bà H được đứng tên toàn bộ nhà và đất nhưng Trần Ngọc Q không đồng ý, vì ông Q cho rằng ông Q là con trai duy nhất nên nhà và đất phải giao cho ông Q quản lý. Các thành viên trong gia đình đã cố gắng hòa giải, thỏa thuận phân chia tài sản nhưng vẫn không được, nhà và đất hiện do vợ chồng ông Q, bà L2 bao chiếm sử dụng. Bà H, ông Q1 ở trong nhà từ trước năm 1975, đến khi khởi kiện bà H mới tạm thời đi ở nhờ chỗ khác. Nay bà H yêu cầu được chia bằng hiện vật là nhà và đất cụ thể như sau:

1. Bà H yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất diện tích 63m², thuộc thửa 341, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại số 63, đường Lý Thường K, Phường 2, thành phố S, giá trị nhà và đất theo định giá là đất giá 12.000.000 đồng/1 m², nhà giá trị còn lại là 112.272.650 đồng. Theo đo đạc thực tế thì diện tích đất chỉ còn 50,4m², bà H thống nhất theo sơ đồ đo đạc và định giá ngày 06/10/2020.

2. Bà H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật $\frac{1}{2}$ nhà và đất diện tích 63m², thuộc thửa 341, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại số 63, đường Lý Thường K, Phường 2, thành phố S thành 6 phần bằng nhau, giá trị tạm tính là 59.756.000 đồng.

3. Bà H yêu cầu nhận nhà và đất, đồng ý trả lại $\frac{1}{12}$ giá trị nhà và đất cho các đồng thừa kế (tất cả 06 người), mỗi kỷ phần là 59.756.000 đồng.

Đối với các tài sản khác như tủ thờ gỗ, tủ áo, các tủ gỗ đã cũ là của bà H và ông Q1 thì bà H không có yêu cầu chia thừa kế.

Bà H không đồng ý với các yêu cầu phản tố của anh Q, vì bà là người đứng tên giấy chứng nhận QSD đất và yêu cầu chia nhiều hơn.

*** Bị đơn ông Trần Ngọc Q có ý kiến như sau:**

- Ông Trần Ngọc Q muốn được giữ lại căn nhà và đất là di sản thừa kế của cha ông là ông Trần Ngọc Q1, nhà và đất tọa lạc tại số 63, đường Lý Thường K, khóm 1, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Q đồng ý trả lại giá trị căn nhà và đất (tính trên mỗi kỷ phần thừa kế) lại cho bà H và các đồng thừa kế khác để ông Q được nhận hiện vật nhà và đất tọa lạc tại số số 63, đường Lý Thường K, khóm 1, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Theo định giá, nhà và đất tọa lạc tại số 63, đường Lý Thường K, khóm 1, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp chưa đến 01 tỷ đồng, nhưng ông Q sẽ cố gắng hết sức và đồng ý trả 01 tỷ đồng để giữ lại căn nhà và đất tọa lạc tại số số 63, đường Lý Thường K, khóm 1, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Giữ lại tài sản của tổ T để lại và phù hợp với đạo đức xã hội.

Ông Q đồng ý trả giá trị lại cho các đồng thừa kế (kể cả bà H). Mỗi kỷ phần trị giá 83.000.000 đồng.

Đối với các tài sản khác như tủ thờ gỗ, tủ áo, các tủ gỗ đã cũ là của bà H và ông Q1 thì ông Q không có yêu cầu chia thừa kế.

**** Bà Trần Ngọc Thủy T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có văn bản ý kiến:***

- Bà T1 T không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Trần Ngọc Q, không đồng ý giao nhà, đất tại số 63, Lý Thường K, khóm 1, phường 2, thành phố S cho ông Q quản lý, sử dụng.

- Tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của mẹ tôi là bà Huỳnh Thị H là được lấy lại căn nhà số 63, Lý Thường K, khóm 1, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Tôi giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cha tôi chết để lại là 1/12 giá trị căn nhà và đất với giá là 59.756.000 đồng. Tôi đồng ý nhập kỷ phần của tôi vào phần chia của mẹ tôi (Huỳnh Thị H) để mẹ tôi được tiếp tục quản lý và sử dụng nhà, đất tại số 63, Lý Thường K, khóm 1, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với các tài sản khác như tủ thờ gỗ, tủ áo, các tủ gỗ đã cũ là của bà H và ông Q1 thì bà T1 T không có yêu cầu chia thừa kế.

**** Bà Trần Ngọc Bích T1 có văn bản ý kiến:***

- Bà T1 không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Trần Ngọc Q, không đồng ý giao nhà, đất tại số 63, Lý Thường K, phường 2, thành phố S cho ông Q quản lý, sử dụng.

- Tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của mẹ tôi là bà Huỳnh Thị H là được lấy lại căn nhà số 63, Lý Thường K, khóm 1, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Tôi giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cha tôi chết để lại là 1/12 giá trị căn nhà và đất với giá là 59.756.000 đồng. Tôi đồng ý nhập kỷ phần của tôi vào phần chia của mẹ tôi (Huỳnh Thị H) để mẹ tôi được tiếp tục quản lý và sử dụng nhà, đất tại số 63, Lý Thường K, khóm 1, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với các tài sản khác như tủ thờ gỗ, tủ áo, các tủ gỗ đã cũ là của bà H và ông Q1 thì bà T1 không có yêu cầu chia thừa kế.

**** Bà Trần Ngọc Mỹ L1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ngọc Tuyết M có văn bản ý kiến:***

- Thứ nhất, tôi không đồng ý với việc ông Trần Ngọc Q mua căn nhà, đó là căn nhà tại số 63, đường Lý Thường K, khóm 1, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Vì đây là nhà của mẹ tôi là bà Huỳnh Thị H được ông bà ngoại của tôi cho từ thuở sinh thời. Bà H đã sống gắn bó mật thiết với nó cho đến nay. Bà H cũng là người được thừa kế căn nhà nên bà H nhận hiện vật chứ không để ông Trần Ngọc Q quản lý.

- Thứ hai, Bà Huỳnh Thị H có năm người con, nhưng bốn người con đã lập gia đình và có nhà riêng để ở. Do đó, đề nghị ông Q và bà L2 trở về nhà riêng để sống và được mẹ tôi trả lại số tiền tương ứng với phần ông Q được hưởng theo qui định của pháp luật. Còn người con chưa lập gia đình là bà Trần

Ngọc Bích T1, là người đã nuôi mẹ từ trước đến giờ phải theo mẹ để tiếp tục nuôi mẹ cho đến cuối đời.

- Thứ ba, ông Q và Bà L2 buôn bán tại căn nhà số 63 Lý Thường K, phường 2, thành phố S, là sai, vì bà T1 đã đăng ký kinh doanh tại địa chỉ trên từ trước đến giờ và đã tạm ngừng kinh doanh do tranh chấp.

Đối với các tài sản khác như tủ thờ gỗ, tủ áo, các tủ gỗ đã cũ là của bà H và ông Q1 thì bà L1 không có yêu cầu chia thừa kế.

Bà L1 không đồng ý đối với yêu cầu nhận nhà, đất của ông Q.

Bà L1 tự nguyện tặng lại kỷ phần thừa kế của tôi (giá trị tạm tính trên mỗi kỷ phần là 59.756.000 đồng) cho mẹ tôi.

- Luật sư Hồ Thị Xuân H1 phát biểu:

+ Nguồn gốc nhà và đất là của cha mẹ của bà H để lại cho bà H và ông Q1. Ông Q1 chết năm 2007 không để lại di chúc.

+ Đây là tài sản chung của vợ chồng bà H, phù hợp với quy định tại Điều 66 Luật Hôn nhân gia đình. Cho nên phần bà H đối với tài sản chung là được hưởng 50%.

+ Bà H còn được hưởng di sản thừa kế của ông Q1, thừa kế theo pháp luật.

+ Ông Q1, bà H đã tích góp tài sản trong kinh doanh để nuôi con, có thương hiệu nem chả thầy giáo Q1.

+ Trước đây bà H đã cho anh Q 600m² đất và vợ chồng anh Q có nhà số 71/4 Lý Thường K, Phường 2, thành phố S.

+ Bà H không có tài sản, chỗ ở khác.

+ Bà H không đồng ý với yêu cầu phản tố của anh Q.

Đề nghị chia thừa kế theo pháp luật và bà H được nhận hiện vật là nhà và đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chia thừa kế tài sản theo pháp luật; đề nghị đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Q; đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao nhà, đất cho bà H; đề nghị cho ông Q lưu cư 03 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của luật sư, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xác định quan hệ tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản theo pháp luật.

Trong vụ án có bà Trần Thị Ngọc M cư trú ở Mỹ nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L2 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất, di sản thừa kế và hàng thừa kế:

Các đương sự đều thống nhất thừa nhận nguồn gốc tài sản tranh chấp thừa kế là của cụ Lê Văn S1 và cụ Nguyễn Thị L3 (là cha mẹ của bà H) để lại cho bà H và ông Q1. Có Tờ chúc ngôn tương phân ngày 04/02/1967 cụ S1 và cụ L3 cho bà H và ông Q1. Cho nên phần đất và căn nhà tọa lạc tại số 63 Lý Thường K, Phường 2, TP Sa Đéc là tài sản chung của bà H và ông Q1.

Ông Q1 chết năm 2007 không để lại di chúc, nên $\frac{1}{2}$ phần đất và căn nhà tọa lạc tại số 63 Lý Thường K, Phường 2, TP Sa Đéc là di sản của ông Q1 để lại, còn lại $\frac{1}{2}$ là tài sản của bà H.

Các đương sự đều thống nhất thừa nhận hàng thừa kế thứ nhất của ông Q1 gồm 06 người là: Bà H (vợ ông Q1); 05 người con chung của ông Q1 và bà H là Trần Ngọc T1 T, Trần Ngọc Bích T1, Trần Ngọc Mỹ L1, Trần Ngọc Tuyết M, Trần Ngọc Q.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND thị xã S cấp ngày 06/8/1993, do bà H đứng tên.

[2.2] Quá trình sử dụng đất, giá trị tài sản:

Sau khi được cụ S1 và cụ L3 cho nhà và đất, bà H và ông Q1 sử dụng, sinh sống, làm ăn từ trước năm 1975 đến khi phát sinh tranh chấp.

Các con chung của bà H và ông Q1 cũng sinh sống và lớn lên trong căn nhà này.

Giá trị tài sản chung, di sản theo định giá là :

+ Diện tích được cấp 63m², diện tích thực đo 50,4m² đất ở đô thị

50,4m² x 12.000.000đ/m² = 604.800.000đ

+ Căn nhà số 63 Lý Thường K, Phường 2, TP Sa Đéc, diện tích xây dựng 97m² trị giá 112.272.650đ (làm tròn 112.272.000đ)

Tổng giá trị nhà và đất là: 717.072.000đ.

[2.3] Bà H yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật ; các đương sự khác đều có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật do ông Q1 chết không để lại di chúc. Nguyên đơn bà H yêu cầu được nhận hiện vật nhà, đất; bị đơn ông Q có yêu cầu phản tố được nhận hiện vật nhà, đất.

Xét yêu cầu của bà H là có cơ sở chấp nhận, vì nguồn gốc tài sản nhà và đất diện tích thực đo 50,4m², thuộc thửa 341, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại số 63, đường Lý Thường K, Phường 2, thành phố S do cha mẹ của bà H để lại cho bà H và ông Q1, được xác định là tài sản chung của bà H và ông Q1. Ông Q1 chết không để lại di chúc. Từ đó xác định được rằng phân nửa (50%) tài sản chung là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà H (chiếm 6/12 tổng tài sản); đồng thời bị đơn ông Q và những người liên quan thống nhất phân nửa tài sản là phần của bà H, chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế số phân nửa tài sản còn lại. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về phần phân chia tài sản chung.

Phân nửa tài sản còn lại (50%) là di sản của ông Q1 để lại, do ông Q1 không để lại di chúc nên chia thừa kế tài sản theo pháp luật và chia theo nguyên tắc 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được chia bằng nhau, mỗi kỷ phần được chia 1/12 tổng di sản.

Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu nhận nhà và đất. Bà H có nghĩa vụ trả lại cho các đồng thừa kế, mỗi kỷ phần $\frac{1}{12}$ giá trị nhà và đất là 59.756.000 đồng (= 717.072.000đ : 12).

[2.4] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Ông Q đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật nhưng yêu cầu được nhận nhà và đất, ông Q đồng ý trả giá trị.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Q rút yêu cầu phản tố về việc nhận nhà, đất và đồng ý giao nhà, đất cho bà H. Yêu cầu được nhận phần hưởng thừa kế theo pháp luật 59.756.000đ nhưng ông Q xin lưu cư 06 tháng để sắp xếp việc gia đình và tìm chỗ để mua bán khác.

Xét thấy việc ông Q rút yêu cầu phản tố, không nhận nhà, đất tọa lạc tại số 63, đường Lý Thường K, Phường 2, thành phố S là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên chấp nhận, đình chỉ giải quyết về phần này.

Ông Q đồng ý nhận hưởng 01 kỷ phần $\frac{1}{12}$ giá trị nhà và đất là 59.756.000 đồng là phù hợp với pháp luật thừa kế nên chấp nhận.

Đối với việc ông Q yêu cầu xin lưu cư 06 tháng xét thấy: Mặc dù Bộ luật dân sự năm 2015 không quy định về thời gian lưu cư, tuy nhiên xét thấy yêu cầu của ông Q là chính đáng, nhằm tạo điều kiện cho gia đình ông Q sắp xếp chỗ ở khác và tìm chỗ để kinh doanh mua bán là phù hợp nhưng chỉ chấp nhận thời gian cho ông Q lưu cư là 03 tháng.

[2.5] Đối với yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Bà Trần Ngọc T1 T, bà Trần Ngọc Bích T1, bà Trần Ngọc Mỹ L1, bà Trần Ngọc Tuyết M, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần $\frac{1}{12}$ giá trị nhà và đất là 59.756.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T1 T, bà T1, bà L1, bà Tuyết M về việc tự nguyện tặng lại tất cả 04 kỷ phần này cho bà H. Cho nên không buộc bà H trả lại tiền cho bà T1 T, bà T1, bà L1, bà Tuyết M.

Đối với các tài sản khác như tủ thờ gỗ, tủ áo, các tủ gỗ đã cũ là của bà H và ông Q1 thì bà H không có yêu cầu chia thừa kế nên không xem xét.

Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc chia thừa kế tài sản theo pháp luật; chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Thủy T, bà T1, bà L1, bà Tuyết M về việc chia thừa kế tài sản theo pháp luật.

Chấp nhận ông Q rút yêu cầu phản tố, đình chỉ giải quyết phần này.

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Q. Buộc bà H trả cho ông Quyền 59.756.000đ.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Q được lưu cư 03 tháng. Hết thời gian lưu cư, ông Q, bà L2 có nghĩa vụ giao trả nhà đất cho bà H sử dụng.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo kỷ phần được hưởng. Đối với bà H được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 115, 609, 612, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 217, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm d khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H về việc yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu được nhận tài sản.

Bà Huỳnh Thị H được quyền sử dụng 50,4m² đất và quyền sở hữu căn nhà gắn liền trên đất tọa lạc tại số 63 Lý Thường Kiệt, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Kèm theo Biên bản đo đạc, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/10/2020 và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

2. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án do bị đơn ông Trần Ngọc Q rút đơn yêu cầu phản tố về việc yêu cầu nhận hiện vật nhà và đất.

3. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Ngọc Q về việc yêu cầu chia thừa kế và chấp nhận một phần yêu cầu về việc xin được lưu cư.

Bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ trả giá trị di sản thừa kế cho ông Trần Ngọc Q với số tiền 59.756.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận cho ông Trần Ngọc Q được lưu cư tại nhà số 63 Lý Thường K, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 16/7/2022.

Sau khi hết thời gian lưu cư, ông Trần Ngọc Q và bà Huỳnh Thị Thanh L2 có nghĩa vụ di dời tài sản, giao trả lại đất và căn nhà trên đất tọa lạc tại số 63 Lý Thường K, Phường 2, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp cho bà Huỳnh Thị H.

Kèm theo Biên bản đo đạc, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/10/2020 và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của những người liên quan về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật.

Bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ trả giá trị di sản thừa kế cho bà Trần Ngọc Thủy T, bà Trần Ngọc Bích T1, bà Trần Ngọc Mỹ L1, bà Trần Ngọc Tuyết M, mỗi người 01 kỷ phần với số tiền 59.756.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Ngọc Thủy T, bà Trần Ngọc Bích T1, bà Trần Ngọc Mỹ L1, bà Trần Ngọc Tuyết M về việc tặng cho bà H 04 kỷ phần (mỗi kỷ phần với số tiền 59.756.000 đồng), tổng giá trị 239.024.000đ.

Bà Huỳnh Thị H không phải trả giá trị di sản thừa kế cho bà Trần Ngọc Thủy T, bà Trần Ngọc Bích T1, bà Trần Ngọc Mỹ L1, bà Trần Ngọc Tuyết M (mỗi người 59.756.000 đồng).

4. Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị H phải chịu 6.847.000 đồng (đã nộp và chi xong).

5. Về án phí:

5.1. Bà Huỳnh Thị H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

5.2. Ông Trần Ngọc Q phải chịu 2.987.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm nộp án phí 19.024.000đ nên ông Q được nhận lại 16.037.000đ theo Biên lai số 0004638 ngày 13/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

5.3. Bà Trần Ngọc Thủy T phải chịu 2.987.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm nộp án phí 2.075.000đ theo Biên lai số 0006028 ngày 14/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, nên phải nộp tiếp 912.000đ.

5.4. Bà Trần Ngọc Bích T1 phải chịu 2.987.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm nộp án phí 2.075.000đ theo Biên lai số 0006052 ngày 01/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, nên phải nộp tiếp 912.000đ.

5.5. Bà Trần Ngọc Mỹ L1 phải chịu 2.987.000 đồng án phí dân sự sơ

thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm nộp án phí 2.075.000đ theo Biên lai số 0006053 ngày 04/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, nên phải nộp tiếp 912.000đ.

5.6. Bà Trần Ngọc Tuyết M phải chịu 2.987.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm nộp án phí 2.075.000đ theo Biên lai số 0006143 ngày 15/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, nên phải nộp tiếp 912.000đ.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- Cục THADS tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông